

Bản án số: 73/2023/HS-ST
Ngày 30-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THỊNH PHỐ H

- **THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Văn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Bùi Đức Khoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, tHnh phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tHnh phố H tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tHnh phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; nơi sinh: Thành phố H. Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện N, tHnh phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 10/2017/HSST ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận C, tHnh phố H xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Bản án số 68/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 43/2015/HSPT ngày 03/7/2015 của Tòa án nhân dân tHnh phố H xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt 5.600.000 đồng, khi phạm tội 17 tuổi 03 tháng 17 ngày), bị cáo đã thi Hnh xong án phí dân sự sơ thẩm ngày 12/10/2015, chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 03/02/2016 (đã xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/02/2023, đến ngày 16/02/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện N, tHnh phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện D, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/02/2023, Công an xã T, huyện N nhận được đơn trình báo của anh Đinh Văn T trú tại thôn 6, xã T, huyện N, tHnh phố H về việc khoảng 18 giờ ngày 06/02/2023, anh T bị kẻ gian lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen bạc biển kiểm soát 15B2-167.15 dựng trong sân nH.

Cùng ngày Nguyễn Văn H đến Công an xã T đầu thú và khai nhận: Do nghiện chất ma túy nên H nảy sinh ý định tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm mang bán lấy tiền mua ma túy và ăn tiêu cá nhân. Khoảng 17h30' ngày 06/02/2023, H một mình điều khiển xe đạp đi đến nhà anh Đinh Văn T. H quan sát thấy cổng nhà không đóng, không có ai trông coi, ở góc sân có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen bạc biển kiểm soát 15B2-167.15 của anh T chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. H gửi xe đạp ở nH bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961 ở thôn 6, xã T, huyện N, H, nói với bà M gửi xe đi có việc, rồi đi bộ quay lại nH anh T. H đi đến vị trí xe mô tô trên, dắt xe ra đường rồi vặn chìa khóa nổ máy xe và điều khiển sang khu vực nội thành H, gặp anh Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1985 trú tại xã A, huyện D, H (là người quen của H). H nói với anh Hòa xe trên của H và nhờ anh Hòa cho cầm cố xe được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền trên H mua ma túy sử dụng hết 500.000 đồng, ăn tiêu cá nhân hết 400.000 đồng, còn lại 100.000 đồng H đã giao nộp Cơ quan Công an. Đối với chiếc xe đạp gửi ở nH bà M, sau đó H đã đến lấy xe và mang bán cho một cửa Hng thu mua sắt vụn không quen biết.

Bị hại là anh Đinh Văn T khai phù hợp nội dung trên. Khoảng 17h20' ngày 06/02/2023 khi về nH anh T dựng xe mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15 tại góc sân rồi vào nH. Khoảng 18 giờ cùng ngày anh T phát hiện xe bị mất nên đã trình báo Cơ quan Công an. Xe mô tô trên là của gia đình anh T mua tại một cửa Hng xe máy vào năm 2015.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn Hòa khai: anh Hòa và H là bạn quen biết xã hội, khoảng 19h40' ngày 06/02/2023, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15 đến chỗ làm của anh Hòa. H nói xe trên của H, do đang cần tiền gấp nên nhờ anh Hòa nhận cầm với giá 1.000.000 đồng và mấy ngày nữa sẽ tới chuộc. Do tin tưởng xe mô tô trên là của H nên anh

Hòa đã đồng ý nhận cầm xe và không lấy lãi. Sau khi biết xe trên do H phạm tội mà có anh Hòa đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị M khai: H là khách quen thường xuyên mua Hng nH bà M. Khi gửi xe và lấy xe H không nói với bà M đi đâu làm gì. Bà M không biết H gửi xe để đi lấy trộm tài sản của người khác .

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận Hnh vi của mình như trên.

Tại cơ quan điều tra, bị hại là anh T trình bày như nội dung nêu trên. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bị hại đã đến cơ quan công an trình báo. Hiện tại bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận Hnh vi một mình lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15 là tài sản hợp pháp của bị hại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 07/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15 trị giá **20.000.000** đồng.

Vật chứng: xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 15B2-167.15 sau khi tiến Hnh các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đinh Văn T. Số tiền 100.000 đồng chuyển Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện N quản lý.

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn Hòa không yêu cầu H bồi thường số tiền 1.000.000 đồng đã đưa H. Bị hại Đinh Văn T không yêu cầu đề nghị gì.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung kết luận định giá tài sản, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 78/2023/CT-VKS ngày 24/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố Nguyễn Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; “người phạm tội tHnh khẩn khai báo” và “người phạm tội đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H với mức từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 07/02/2023; không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo; bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ Hnh vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các Hình vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, có Hình vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại tổng trị giá **20.000.000** đồng của bị hại đã đủ yếu tố cấu tHình tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của Hình vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Hình vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng định khung: Khi phạm tội bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích thể hiện tại Bản án số 10/2017/HSST ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận C, tHình phố H xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã thi Hình xong án phí dân sự sơ thẩm ngày 11/7/2017, chấp Hình xong hình phạt tù ngày 12/9/2018 và Bản án số 68/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 23/4/2020, giá trị tài sản chiếm đoạt 11.500.000 đồng), bị cáo đã thi Hình xong án phí dân sự sơ thẩm ngày 16/6/2021, bị cáo chấp Hình xong hình phạt tù ngày 30/9/2022 nên phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; nhân thân: Đến thời điểm phạm tội bị cáo còn từng bị Tòa án nhân dân tHình phố H xét xử theo Bản án số 43/2015/HSPT ngày 03/7/2015 của Tòa án nhân dân tHình phố H xử phạt 06 tháng

tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt 5.600.000 đồng, khi phạm tội 17 tuổi 03 tháng 17 ngày), bị cáo đã thi Hành xong án phí dân sự sơ thẩm ngày 12/10/2015, chấp Hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2016 mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị nhận định là có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo “ tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “người phạm tội đầu thú” được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo khi phạm tội có 02 tiền án và có nhân thân xấu nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt tương xứng với mức đề nghị của Kiểm sát viên và buộc bị cáo chấp Hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền nhưng bị cáo không có tài sản riêng và hiện không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi Hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về dân sự:

Bị hại khai nhận đã được cơ quan Công an trả lại tài sản là 01 chiếc mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15, anh T không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn Hòa không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại, bị hại không có ý kiến gì nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 100.000 đồng đã thu giữ của bị cáo là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách NH nước là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Trong vụ án này Nguyễn Văn Hòa có Hành vi nhận cầm xe mô tô biển kiểm soát 15B2-167.15 của H tuy nhiên Hòa không biết xe trên do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ngoài ra đối với Hnh vi của Nguyễn Văn H mua và sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt Hnh chính đối với H.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn H **42** (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 07/02/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách NH nước số tiền 100.000 đồng đã thu giữ của bị cáo là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có (Theo Biên lai thu tiền số 0004562 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố H).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án và người phải thi Hnh án có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan điều tra công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thuỷ Nguyên;
- Trại giam công an thành phố H;
- Trại tạm giam công an huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu: HCTP; VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Vân